Số: 70/STC-QLNS
Thời gian ký: 26/01/2022 09:17:42 +07:00

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ TÀI CHÍNH

Biểu số 60/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN NĂM 2021	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**18.393.845**	**19.369.154**	**105,30**	**98,00**
I	**Thu nội địa**	**11.083.400**	**9.647.800**	**87,05**	**85,35**
1	Thu từ khu vực DNNN	1.526.000	1.372.068	89,91	93,62
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.090.000	1.170.405	107,38	101,49
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.300.000	2.084.122	90,61	94,03
4	Thuế thu nhập cá nhân	790.000	797.583	100,96	93,66
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.140.000	1.352.165	118,61	119,29
6	Lệ phí trước bạ	500.000	377.937	75,59	78,54
7	Thu phí, lệ phí	163.400	184.636	113,00	58,35
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.810.000	798.915	44,14	46,32
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*	*0*	*127*		46,15
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*30.000*	*29.350*	*97,83*	90,27
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*1.500.000*	*572.678*	*38,18*	38,89
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*250.000*	*149.399*	*59,76*	69,65
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*	*30.000*	*47.362*	*157,87*	946,09
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.000	8.042	402,10	79,23
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	12.000	15.067	125,56	123,39
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.490.000	1.263.724	84,81	84,92
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
13	Thu khác ngân sách	260.000	223.136	85,82	49,57
II	**Thu từ dầu thô**				
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**850.000**	**640.662**	**75,37**	99,90
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	595.000	586.341	98,54	111,96
2	Thuế xuất khẩu	5.000	5	0,10	0,48
3	Thuế nhập khẩu	235.000	43.140	18,36	44,24
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	15.000	6.270	41,80	44,64
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		208		38,55
6	Thu khác		4.698		103,99
IV	**Thu viện trợ**				
B	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**9.603.826**	**8.342.987**	**86,87**	**85,47**

1	Từ các khoản thu phân chia	5.562.466	5.386.357	96,83	98,38
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	4.041.360	2.956.630	73,16	68,99